

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1569~~ /UBND-VP
Về giao việc tham gia vào dự
thảo Thông tư của Bộ Nội vụ

Hải Dương, ngày 29 tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 2938/BNV-CCVC ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nội vụ đề nghị tham gia vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV (Có gửi kèm theo Công văn này).

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ tổ chức tham gia và gửi báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Sở Nội vụ thực hiện bảo đảm thời gian trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.chính V(02B)lv

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**



**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
VŨ ĐỨC CHÉN**



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1938* /BNV-CCVC

Hà Nội, ngày *21* tháng *6* năm 2016

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Thông tư
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 11/2012/TT-BNV

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

HÒA TỘC

VĂN PHÒNG UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: *1938*

ĐẾN Ngày *28/6/2016*

Chuyên: *Yc... kiến*

Yc chịu trách
Yc chính. pwp
(Email)

Sau hơn 03 năm thực hiện Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2012/TT-BNV), một số quy định của Thông tư số 11/2012/TT-BNV chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác quản lý.

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ xin gửi bản dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV nêu trên để các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan hữu quan cho ý kiến đóng góp.

Ý kiến tham gia của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Nội vụ (qua Vụ Công chức-Viên chức) trước ngày 01 tháng 7 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ (để góp ý kiến);
- Lưu VT, CCVC.

NTM

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

Nguyễn Duy Thăng

S

Số: /2016/TT-BNV Hà Nội, ngày tháng năm 2016
(DỰ THẢO)

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 06/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau đây viết tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức-Viên chức, Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV

1. Bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 11 như sau:

"c) Trường hợp công chức có thời gian công tác còn dưới 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu, nghỉ chế độ thì không xem xét bổ sung, điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công chức".

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 11 như sau:

"b) Sau khi công chức tự kê khai và hoàn chỉnh hồ sơ, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức ra quyết định thẩm tra, xác minh.

- Thành phần Đoàn thẩm tra xác minh gồm: Trưởng đoàn thẩm tra, xác minh là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan quản lý công chức; một thành viên là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức và quản lý hồ sơ công chức; các thành viên khác là đại diện bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan như: tư pháp, pháp chế, thanh tra, tổ chức cán bộ... trong đó có một thành viên kiêm Thư ký Đoàn thẩm tra, xác minh.

- Nhiệm vụ thẩm tra, xác minh gồm:

Kiểm tra về các thành phần hồ sơ: trực tiếp thẩm tra, xác minh thực tế các thành phần hồ sơ, trong đó lưu ý việc thẩm tra, xác minh giá trị pháp lý của giấy khai sinh, trường hợp các thông tin trong thành phần hồ sơ không thống nhất với giấy khai sinh thì đơn vị quản lý hồ sơ công chức đề nghị cơ quan quản lý công chức gửi văn bản đề nghị cơ quan Tư pháp cấp tỉnh trở lên thẩm tra, xác minh và thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản với cơ quan quản lý công chức. Trường hợp các văn bằng, chứng chỉ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị nước ngoài cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam thì đơn vị quản lý hồ sơ công chức đề nghị cơ quan quản lý công chức gửi văn bản đến cơ quan ngoại giao tại Việt Nam của nước cấp văn bằng, chứng chỉ đó đề nghị xác minh tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ. Hoặc cơ quan quản lý công chức gửi văn bản trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ đó để xác minh tính hợp pháp và có văn bản kết luận về kết quả thẩm tra, xác minh đó để lưu hồ sơ.

Việc thẩm tra, xác minh thực hiện trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày có quyết định thẩm tra, xác minh của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 11 như sau:

"a) Trường hợp các thành phần hồ sơ không thống nhất về các thông tin (ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm...) thì căn cứ giấy khai sinh lập lần đầu để xác định; các thông tin có nội dung về ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm trong sổ hộ khẩu, sổ bảo hiểm, hồ sơ đảng viên (nếu công chức là đảng viên), văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước và các giấy tờ liên quan đến công chức phải hoàn thiện, bổ sung và thống nhất với giấy khai sinh của công chức;

b) Trường hợp công chức không có giấy khai sinh và các thông tin (ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm...) không thống nhất giữa các thành phần hồ sơ (quyển lý lịch cán bộ, sơ yếu lý lịch, sổ bảo hiểm, văn bằng, chứng chỉ...) thì căn cứ vào thành phần hồ sơ gốc lập lần đầu khi công chức được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước để xác định, kể cả thông tin trong hồ sơ đảng viên (nếu công chức là đảng viên)".

4. Bãi bỏ quy định tại Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 11

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm e Khoản 3 Điều 18 như sau:

"e) Xử lý kỷ luật theo mức độ vi phạm từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức và buộc thôi việc đối với công chức kê khai không trung thực, gian lận và giả mạo hồ sơ cá nhân và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có sai phạm trong kê khai, quản lý và bảo quản hồ sơ công chức.

6. Bổ sung Điểm g Khoản 3 Điều 18 như sau:

g) Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc sửa chữa, bổ sung các dữ liệu thông tin (ngày, tháng, năm sinh...) trong hồ sơ cán bộ, công chức sau khi đã có kết luận việc thẩm tra, xác minh theo đúng quy định của pháp luật".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Văn phòng Ban CDTW về phòng chống tham nhũng;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ Nội vụ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Thăng